ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 48 /GPMT-UBND	*Thái Bình, ngày 16 tháng 9 năm 2022*

Chuyển
- BQL Cầu Nghìn
- UBND.
- ISC.
- KTh

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn" tại xã An Thanh và thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;

Xét Văn bản số 477/TCT-BQLDA ngày 18 tháng 05 năm 2022 của Tổng công ty IDICO – CTCP về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Kỹ thuật Khu công nghiệp Cầu Nghìn - hạng mục lô V và VI" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 434/TTr-STNMT ngày 07 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Tổng công ty IDICO – CTCP, địa chỉ tại 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Cầu Nghìn" (hạng mục lô V và VI) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Cầu Nghìn (hạng mục lô V và VI).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã An Thanh và thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 48 /GPMT-UBND	*Thái Bình, ngày 16 tháng 9 năm 2022*

TỔNG CÔNG TY IDICO-CTCP
CÔNG VĂN ĐẾN
Số 982 Ngày 21 tháng 9 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn" tại xã An Thanh và thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;

Xét Văn bản số 477/TCT-BQLDA ngày 18 tháng 05 năm 2022 của Tổng công ty IDICO – CTCP về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Kỹ thuật Khu công nghiệp Cầu Nghìn - hạng mục lô V và VI" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 434/TTr-STNMT ngày 07 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Tổng công ty IDICO – CTCP, địa chỉ tại 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Cầu Nghìn" (hạng mục lô V và VI) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Cầu Nghìn (hạng mục lô V và VI).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã An Thanh và thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Mã doanh nghiệp 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 11 tháng 8 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0302177966.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Lĩnh vực, ngành, nghề đầu tư vào khu công nghiệp thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc điều chỉnh, bổ sung tính chất ngành nghề một số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

Tổng diện tích 183,87ha; đã hoàn thiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho hạng mục lô V và VI, diện tích 37,67ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng công ty IDICO – CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Quỳnh Phụ;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Tổng công ty IDICO – CTCP;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Văn Hoàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải hạng mục lô V, VI – quy mô 37,67ha:

Nước thải sinh hoạt, sản xuất của các dự án đầu tư trong khu công nghiệp; nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành khu công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Lý Xá, thuộc thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

2.2. Vị trí xả nước thải:

Nước thải sau hệ thống xử lý được dẫn qua tuyến ống xả vào kênh Lý Xá, thuộc thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2284998; Y= 598470 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 500 m^3/ngày đêm (20,83 m^3/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A giá trị C (áp dụng hệ số K_q=0,9, K_f=1,1), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc tự động, liên tục/định kỳ
1	Nhiệt độ	oC	40	Quan trắc tự động, liên tục (đã lắp đặt)
2	pH	-	6 đến 9	
3	COD	mg/l	74,25	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95	
6	Màu	Pt/Co	50	Quan trắc định kỳ 03 tháng/lần
7	BOD_5	mg/l	29,7	
8	Asen	mg/l	0,0495	
9	Thuỷ ngân	mg/l	0,00495	

10	Chì	mg/l	0,099	
11	Cadimi	mg/l	0,0495	
12	Crom (III)	mg/l	0,198	
13	Crom (VI)	mg/l	0,0495	
14	Đồng	mg/l	1,98	
15	Kẽm	mg/l	2,97	
16	Niken	mg/l	0,198	
17	Mangan	mg/l	0,495	
18	Sắt	mg/l	0,99	
19	Tổng xianua	mg/l	0,0693	
20	Tổng phenol	mg/l	0,099	
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95	
22	Sunfua	mg/l	0,198	
23	Florua	mg/l	4,95	
24	Tổng nitơ	mg/l	19,8	
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,96	
26	Clorua	mg/l	495	
27	Clo dư	mg/l	0,99	
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	
30	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000	
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	*µg/l*	0,297	Quan trắc định kỳ 01 lần/năm
32	Tổng PCB	*µg/l*	0,00297	
33	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	*µg/l*	0,0495	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Bố trí hố ga thu gom nước thải (bao gồm cả nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt) từ các dự án đầu tư trong Khu công nghiệp; nước thải được thu gom bằng đường ống HDPE D400 dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập (cho các hạng mục lô V và VI) 500m^3/ngày.đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các dự án đầu tư trong Khu công nghiệp → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể MBBR 1,2 → Bể trung gian → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương đo lưu lượng → kênh Lý Xá.

- Công suất thiết kế: 500 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: $Ca(OCl)_2$ tinh khiết 70% (dùng tại bể khử trùng); PAC (dùng cho bể keo tụ); Polimer (dùng cho bể tạo bông).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01

- Vị trí lắp đặt: Sau hệ thống xử lý nước thải, trước khi xả nước thải ra môi trường.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị, đã lắp đặt.

- Camera theo dõi: 02 camera, đã lắp đặt.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu đã được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình để theo dõi, giám sát theo Văn bảo số 1755/STNMT-CCBVMT ngày 11/5/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Hồ sự cố dung tích chứa 1.980 m^3.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải; tuân thủ nghiêm các yêu cầu vận hành.

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống, kịp thời phát hiện sự cố.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra các thông số cơ bản của nước thải đầu vào, đầu ra của hệ thống xử lý.

b) Quy trình ứng phó sự cố:

- Thông báo với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan khi xảy ra sự cố.

- Xác định nguyên nhân gây ra sự cố.

- Tổ chức khắc phục sự cố:

Đóng van xả nước thải ra nguồn tiếp nhận.

Nhanh chóng tổ chức khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất: Trường hợp sự cố do hệ thống xử lý nước thải sơ bộ từ các nhà máy trong Khu công nghiệp, thực hiện đóng van, niêm phong van xả của nhà máy; sau khi khắc phục đạt yêu cầu chất lượng nước thải đấu nối sẽ được dỡ niêm phong cho phép đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp. Trường hợp sự cố do hỏng hóc máy móc, thiết bị của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, nước thải

được thu gom, lưu giữ tại bể gom, bể điều hòa; nếu thời gian khắc phục sự cố kéo dài, nước thải được bơm vào hồ sự cố, thời gian lưu giữ 3,5 ngày. Trong trường hợp sự cố lớn, quá khả năng lưu giữ nước thải của hồ sự cố, yêu cầu các nhà máy trong khu công nghiệp lưu giữ tạm thời nước thải tại hệ thống xử lý nước thải sơ bộ hoặc Chủ dự án khu công nghiệp Cầu Nghìn thuê đơn vị có đủ chức năng hút và mang đi xử lý.

- Sau khi khắc phục xong sự cố, bơm nước thải chưa được xử lý về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp. Kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý, nước thải chưa đạt yêu cầu để xả thải được bơm quay vòng về hồ sự cố, tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục; nước thải đã xử lý đạt yêu cầu, mở van xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Lắp đặt camera theo dõi nước thải đầu vào tại bể điều chỉnh pH & keo tụ để giám sát màu sắc nước thải; sử dụng thiết bị đo tự động, liên tục thông số pH tại bể điều chỉnh pH & keo tụ; lấy mẫu, phân tích thông số pH, DO tại bể hiếu khí để kiểm soát thường xuyên chất lượng nước thải

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	Nhiệt độ	^oC	45
2	pH	-	≥ 5 và ≤ 9
3	Màu sắc (ở pH=7)	Pt-Co	150
4	BOD_5 (20^0C)	mgO_2/l	200
5	COD	mgO_2/l	400
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	150
7	Photpho tổng số	mg/l	8
8	Tổng nitơ	mg/l	40
9	Nitơ amonia	mg/l	15
10	Tổng xianua	mg/l	0,07
11	Asen	mg/l	0,05
12	Thủy ngân	mg/l	0,005
13	Cadimi	mg/l	0,05
14	Chì	mg/l	0,1
15	Crom (VI)	mg/l	0,05
16	Crom (III)	mg/l	0,2
17	Đồng	mg/l	2
18	Kẽm	mg/l	3
19	Mangan	mg/l	0,5
20	Niken	mg/l	0,2
21	Sắt	mg/l	1
22	Clorua	mg/l	500
23	Clo dư	mg/l	1
24	Florua	mg/l	5
25	Tổng phenol	mg/l	0,1
26	Sulfua	mg/l	0,2
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật	mg/l	0,05

	clo hữu cơ		
30	Tổng PCB	mg/l	0,003
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm (hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp công suất 500 m^3/ngày đêm):

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (nước thải trước khi vào hệ thống xử lý; nước thải sau xử lý tại cửa xả ra nguồn tiếp nhận).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện trong giai đoạn vận hành ổn định; lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp với tần suất quan trắc là 01 ngày/lần. Số lượng mẫu gồm: 01 mẫu đơn nước thải trước xử lý và 03 mẫu đơn nước thải sau xử lý.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bảo đảm các yêu cầu của cơ quan quản lý công trình thủy lợi về việc xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định.

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Lắp đặt công tơ điện độc lập cho hệ thống xử lý nước thải tập trung; điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m^2 và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

3.5. Bố trí đủ nhân sự, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm; thông tin trong quá trình vận hành chính thức công trình xử lý nước thải gồm các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh (nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm).

3.6. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.7. Lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3.8. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đến hết ngày 31/12/2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.9. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48/GPMT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển:

+ Phun nước tưới ẩm đường giao thông trong phạm vi Khu công nghiệp, nhất là trong những ngày nắng nóng, khô hạn;

+ Trồng cây xanh theo quy hoạch để hạn chế bụi và khí thải khuếch tán ra môi trường khu vực xung quanh.

- Đối với mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung:

+ Bố trí vị trí xây dựng trong khuôn viên đất hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp nhằm cách ly với các đối tượng xung quanh.

+ Tuân thủ yêu cầu thiết kế, yêu cầu vận hành và giám sát của trạm xử lý nước thải tập trung;

+ Trồng cây xanh xung quanh trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Bê tông hóa, thường xuyên vệ sinh và lắp đặt hệ thống tưới nước tự động cho đường giao thông nội bộ khu vực trạm xử lý nước thải tập trung.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tổ chức kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm về việc xả bụi, khí thải của các dự án đầu tư trong Khu công nghiệp Cầu Nghìn và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48/GPMT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông trên các tuyến đường trong Khu công nghiệp.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

2.1. Trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Góc phía Đông, tọa độ: $X_{(m)}$= 2284479.649; $Y_{(m)}$= 598100.382.

- Góc phía Tây, tọa độ: $X_{(m)}$ = 2284462.391; $Y_{(m)}$= 597988.162.

- Góc phía Đông Bắc, tọa độ: $X_{(m)}$ = 2284517.567; $Y_{(m)}$= 598062.819.

- Góc phía Tây Nam, tọa độ: $X_{(m)}$= 2284434.963; $Y_{(m)}$= 598031.455.

2.2. Các tuyến đường trong khu công nghiệp:

+ Góc phía Bắc giáp QL10, tọa độ: X(m) = 2285433.159; Y(m)= 597537.330.

+ Góc phía Tây Nam, tọa độ: X(m) = 2285056.239 ; Y(m)= 597132.796.

+ Góc phía Nam, tọa độ: X(m) = 2284064.550; Y(m)= 597604.590

+ Góc phía Đông Nam,tọa độ: X(m)= 2284242.280; Y(m)= 597825.890.

(hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0$30', múi chiếu 30)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	*Khu vực thông thường*

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Phân lập những khu vực có độ ồn cao bằng phương pháp cách ly, cách âm; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế máy móc thiết bị bảo đảm điều kiện kỹ thuật làm việc; vận hành đúng quy trình.

- Lắp đặt hệ thống biển báo hướng dẫn tại các tuyến đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp, yêu cầu các phương tiện vận chuyển bảo đảm tải trọng, tốc độ để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Trồng cây xanh cách ly trong Khu công nghiệp theo đúng quy hoạch.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường:

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng phát sinh (Kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang	160106	Rắn	2
2	Dầu, mỡ bôi trơn, dầu máy các loại	170204	Lỏng	10
3	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	080204	Rắn	15
4	Pin thải	190602	Rắn	10
5	Dẻ lau dính dầu	180201	Rắn	3
6	Bao bì mềm nhiễm thành phần nguy hại	180101	Rắn	10
7	Bùn thải trạm xử lý nước thải	12 06 07	Rắn	48.672 Được quản lý như CTNH, lấy mẫu phân tích xác định tính nguy hại trước mỗi đợt chuyển giao
Tổng khối lượng				**48.722**

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Chủng loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì nhựa không dính chất thải nguy hại	20
2	Thiết bị hư hỏng không có tính nguy hại	5
Tổng khối lượng		**25**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Chủng loại	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Rác thải sinh hoạt	17
Tổng khối lượng		**17**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:

+ Diện tích 20m^2 đặt tại khu vực nhà máy xử lý nước thải tập trung; trong kho bố trí các thùng để lưu chứa các loại chất thải nguy hại.

+ Thiết kế, cấu tạo: Làm bằng vật liệu nhựa uPVC kết hợp khung thép tường bao quanh, có mái che kín, bố trí cửa khóa, cửa gắn biển tên và biển cảnh báo, gờ chống tràn ngoài cửa cao 0,2m, nền kho bằng bê tông được đánh bóng thủ công;

- Sân chứa bùn thải:

+ Diện tích 96m^2 đặt tại khu vực nhà máy xử lý nước thải tập trung.

+ Thiết kế, cấu tạo: Sân phơi bùn có bờ chắn xung quanh, cát thấm và có hệ thống rãnh thu gom tiêu nước ở dưới, nước thải tại sân phơi bùn dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Trang bị 02 thùng, thể tích mỗi thùng 240 lít có nắp đậy và nhãn dán phân loại rác thải công nghiệp thông thường không nguy hại, đặt cạnh nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải để lưu giữ chất thải và trên các tuyến đường trục chính của khu công nghiệp được bố trí các thùng chứa rác có dung tích 100 lít. Tuân thủ việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao và quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường của dự án theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 01 thùng, thể tích thùng 240 lít có nắp đậy và nhãn dán rác thải sinh hoạt,

đặt cạnh nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và trên các tuyến đường trục chính của khu công nghiệp được bố trí các thùng chứa rác có dung tích 100 lít. Tuân thủ việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và tuân thủ việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Đã hoàn thành xây dựng hạ tầng hạng mục lô V, VI diện tích 37,67ha của Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn", được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2009.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

- San lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng; xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải trên phần diện tích còn lại là 142,6ha.

- Xây dựng khu nhà điều hành của dự án và hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh;

- Xây dựng các công trình phụ trợ bao gồm: hệ thống giao thông nội bộ; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy chữa cháy; công trình ứng phó sự cố môi trường; các công trình cây xanh, cảnh quan theo quy định;

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng phần diện tích đầu tư hạ tầng trên phần diện tích còn lại là 142,6ha.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Thực hiện xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm

nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 2, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho phần còn lại của Dự án trước khi vận hành thử nghiệm và chỉ được vận hành sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định./.